

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: **201/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/6/2022

V/v: *Xin ly hôn.*

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn;

Ông Đoàn Văn Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- *Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 501/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1983.** Địa chỉ: ngõ 402/28 đường M, phường M, quận N, Hà Nội (vắng mặt).

Bị đơn: **Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976.** Địa chỉ: đường P, TDP số 3, phường M, quận N, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị P và anh T đều trình bày: Anh chị kết hôn với nhau năm 2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường L, quận B, Hà Nội. Con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Anh D, sinh ngày 08/4/2009 và cháu Phạm Đức A, sinh ngày 02/4/2012. Tài sản chung và vay nợ: Không có. Ngày 09/10/2020, chị P làm đơn xin ly hôn.

Theo chị P trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống không hòa hợp, thiếu tình cảm. Anh T thường xuyên đi công tác xa nhà, bận rộn với công việc, không quan tâm đến vợ con. Trong suốt thời gian chúng tôi chung sống, hai vợ chồng không có sự gắn kết và chia sẻ. Tình cảm vợ chồng hết từ lâu và đã sống ly thân, tôi đã chuyển ra ngoài sống riêng.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Phạm Anh D, sinh ngày 08/4/2009 và cháu Phạm Đức A, sinh ngày 02/4/2012. Hai cháu đang ở với anh T. Tôi nghe theo nguyện vọng của các con là xin được ở cùng với bố. Tôi đồng ý để anh T nuôi cả hai con, về mức cấp dưỡng nuôi con sẽ tùy thuộc vào yêu cầu của anh T.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, vay nợ chung.

- Anh Phạm Văn T trình bày: Tôi nhận thấy vợ chồng tôi không có mâu thuẫn. Công việc của tôi bận rộn nhưng tôi vẫn quan tâm đến gia đình vợ và các con. Khoảng thời gian 01 năm nay, chị P ra ngoài ở riêng, tôi đã có nhắn tin, gọi điện khuyên chị P quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con và để các con được sống cùng cả bố và mẹ nhưng chị P không đồng ý. Tôi vẫn còn tình cảm với chị P. Nay, chị P đơn phương xin ly hôn, tôi không đồng ý.

Về con chung: Hiện nay hai con đang ở cùng với tôi. Tôi xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, vay nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Chị P có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của chị Nguyễn Thị Hồng P đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh Phạm Văn T có địa chỉ: đường P, TDP số 3, phường M, quận N, Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 31/5/2022, chị P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét, đề nghị của chị P không trái quy định của pháp luật. Anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã nhận được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử bình thường vắng mặt chị P và anh T.

[II] Xét yêu cầu “*Xin ly hôn*” của chị P với anh T, Hội đồng xét xử thấy:

Chị P và anh T kết hôn với nhau năm 2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường L, quận B, Hà Nội. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị P trình bày: Chị không còn tình cảm với anh T do anh T thường xuyên đi công tác xa nhà, bận rộn với công việc, không quan tâm đến vợ con. Trong suốt thời gian chung sống, hai vợ chồng không có sự gắn kết và chia sẻ.

Anh T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Mặc dù công việc của anh bận rộn nhưng anh vẫn quan tâm đến gia đình vợ và các con. Chị P đã ra ngoài ở riêng, anh có nhắn tin, gọi điện khuyên chị P quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con và để các con được sống cùng cả bố và mẹ nhưng chị P không đồng ý. Nay, chị P xin ly hôn, anh không đồng ý.

Xét thấy: Chị P cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Thực tế, anh chị không còn chung sống với nhau cùng 1 nhà từ năm 2020. Anh T cũng đã tìm biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng chị P không quay về đoàn tụ. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị P xin ly hôn là hoàn toàn phù hợp với thực tế, không trái quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

- Con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu cháu Phạm Anh D, sinh ngày 08/4/2009 và cháu Phạm Đức A, sinh ngày 02/4/2012. Hai cháu hiện đang ở với anh T. Ly hôn, anh T xin nuôi cả hai con. Chị P đồng ý.

Xét thấy: Cháu D và cháu Đức A hiện đang ở cùng anh T. Mọi quyền lợi của các cháu vẫn được đảm bảo và các cháu đều có nguyện vọng ở với bố nên việc anh chị cùng thống nhất để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung là phù hợp với thực tế, không trái quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung - Vay nợ: Không.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng P với anh Phạm Văn T. Cho chị P được ly hôn anh T.

2/ Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Anh D, sinh ngày 08/4/2009 và cháu Phạm Đức A, sinh ngày 02/4/2012. Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi các con.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

3/ Tài sản chung: Không.

Vay nợ: Không.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

4/ Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 00021014 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận: - TAND Tp. Hà Nội;

- VKS Q. Nam Từ Liêm;

- VKS TP. Hà Nội;

- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ; - Lưu văn phòng.

- UBND P. L, Q. B, Hà Nội (số 192/2008)

Nguyễn Thị An